

Số: 62 -CTr/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về “phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về “phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Ban Thường vụ Thành ủy Bảo Lộc ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền, quán triệt, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong công tác phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; triển khai thực hiện có hiệu quả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về “phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn thành phố.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và Nhân dân trong xây dựng ngành nông nghiệp thành phố phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại trong giai đoạn tới.

2. Yêu cầu

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân thành phố nêu cao vai trò trách nhiệm, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này.

- Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách tạo đột phá để thay đổi tư duy sản xuất, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai, tài nguyên và nguồn lực kinh tế, khoa học kỹ thuật,... sẵn có để tập trung đầu tư thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại.

- Huy động mọi nguồn lực từ nguồn ngân sách và xã hội hóa để tập trung đầu tư cho nông nghiệp; bảo đảm phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị; gắn kết giữa phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, khoa học công nghệ, với các mô hình kinh doanh thương mại, dịch vụ từ nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện hiện đại, bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, chú trọng sản xuất nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với du lịch canh nông, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của thành phố; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến nông sản, thực phẩm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 3,5-4,5%; nâng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, bình quân đạt 220 triệu đồng/ha/năm; giá trị xuất khẩu của các loại sản phẩm ngang bằng với mức trung bình của các sản phẩm cùng loại trong khu vực; đảm bảo có lợi nhuận cho hộ nông dân từ 30 – 35%.

b) Phần đầu đạt 60 – 70% diện tích cây trồng chính có thể mạnh (*chè, cà phê, dâu tằm, ăn quả*) tham gia các chương trình phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao; 80 - 90% vùng nguyên liệu thực hiện quy trình sản xuất an toàn. Trong đó, diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 5%; có trên 25% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn.

c) Đẩy mạnh phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phần đầu mỗi năm hình thành 3–4 chuỗi liên kết; có từ 5-7 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên.

d) Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư phát triển chuỗi liên kết, nâng cao giá trị từ khâu sản xuất đến khâu chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác cùng với doanh nghiệp liên kết sản xuất, phát triển thương hiệu.

đ) Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác (nhất là canh tác bền vững bảo vệ hiệu quả hệ sinh thái, thân thiện môi trường), ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến nông lâm sản; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật quản lý tổng hợp dịch hại cây trồng (IPM) và công nghệ vi sinh trong phòng trừ dịch bệnh và xử lý chất thải sản xuất nông nghiệp.

e) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định đạt 6%; phát triển mô hình nông lâm kết hợp; thực hiện hoạt động dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái, trồng cây dược liệu dưới tán rừng góp phần quản lý rừng bền vững, hạn chế suy giảm về hệ sinh thái rừng, chức năng của rừng.

2.2. Định hướng đến năm 2030

a) Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân đạt 4,5 - 5%; trong đó, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp; nâng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, bình quân đạt 250 triệu đồng/ha/năm; giá trị xuất khẩu của các loại sản phẩm

ngang bằng với mức trung bình của các sản phẩm cùng loại trong khu vực; đảm bảo có lợi nhuận cho hộ nông dân từ 35 - 40%.

b) Phân đầu đạt 70 - 75% diện tích cây trồng có thể mạnh (*chè, cà phê, dâu tằm, ăn quả*) tham gia các chương trình phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao; 90 - 100% vùng nguyên liệu thực hiện quy trình sản xuất an toàn. Trong đó, diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 3%; có trên 30% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn.

c) Đẩy mạnh mô hình liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp, duy trì và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phân đầu mỗi năm hình thành 4-5 chuỗi liên kết; có từ 6-8 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên. Khuyến khích các chủ trang trại, gia trại tham gia liên kết, nhất là ở những vùng có nhiều trang trại chuyên môn hóa theo ngành nghề, khuyến khích nông dân tự nguyện liên kết với nhau dưới hình thức câu lạc bộ trang trại, tổ liên kết trang trại, hoặc với hình thức cao hơn là HTX trang trại, doanh nghiệp trang trại.

d) Mở rộng thị trường trong và ngoài nước thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng như VietGAP, GlobalGAP, Organic, Rainforest Alliance (RA), UTZ, 4C... Đẩy mạnh công tác dự báo thông tin thị trường, hỗ trợ người dân có kế hoạch sản xuất phù hợp nhu cầu thị trường. Tăng cường tổ chức và tham gia các hội nghị thương mại, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước để đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại thu hút được thị trường xuất khẩu cho sản phẩm cà phê, dâu tằm, chè Bảo Lộc.

đ) Khuyến khích doanh nghiệp, nông dân sử dụng nguồn tự có và vốn tín dụng để đầu tư phát triển nông nghiệp; phát triển, hình thành nền nông nghiệp hữu cơ, sinh thái; đầu tư, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản sau thu hoạch. Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa trong đầu tư với phương thức nhân dân làm công trình - nhà nước hỗ trợ vật tư để huy động nguồn lực đầu tư xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững. Kết hợp lồng ghép với nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, vốn ODA,... để cùng thực hiện đầu tư, xây dựng.

e) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định đạt trên 6%; phát triển mô hình nông lâm kết hợp; thực hiện hoạt động dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái dưới tán rừng góp phần quản lý rừng bền vững, hạn chế suy giảm về hệ sinh thái rừng, chức năng của rừng.

f) Tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp một cách toàn diện, đồng bộ từ quản lý đến tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ngành nông nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 21-NQ/TU và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ,

đảng viên, nhất là người đứng đầu về phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

1.2. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU phù hợp với từng đối tượng; bảo đảm thiết thực, hiệu quả với các hình thức đa dạng, phong phú, nhấn mạnh tầm quan trọng của nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lợi thế của địa phương để tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng cho thị trường, gia tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.

Thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; có các điều kiện tiệm cận với các nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới, có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao; trong đó:

2.1. Về phát triển các loại cây trồng có lợi thế:

- *Cây cà phê:* Tập trung chuyển đổi diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp thay thế bằng những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao hơn như cây chè, dâu tằm, cây ăn trái, rau hoa... ứng dụng công nghệ, kỹ thuật canh tác theo hướng bền vững, tăng cường thâm canh áp dụng đồng bộ các biện pháp KHKT, năng suất ổn định. Áp dụng tốt công nghệ chế biến, bảo quản sơ chế nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng cà phê nhân, tăng cường khuyến cáo các biện pháp canh tác bền vững, sinh thái như chú trọng sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, sử dụng phân bón vô cơ cân đối và hợp lý và các biện pháp trồng cây che bóng, chống xói mòn, rửa trôi, thoái hóa đất nhất là đối với những vùng sản xuất cà phê trên đất dốc.

- *Cây chè:* Hình thành các vùng sản xuất chè cao sản và chè chất lượng cao với quy mô tập trung, tạo thành vùng nguyên liệu gắn với phát triển công nghiệp chế biến. Tập trung chuyển đổi cơ cấu giống bằng các giống cao sản, giống chất lượng cao, đối với những vùng có lợi thế về địa hình, thuận lợi giao thông, có đủ nguồn nước tưới, đồng thời áp dụng các tiến bộ KHKT, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè B'Lao. Xây dựng vùng nguyên liệu chè chất lượng cao theo các tiêu chuẩn GAP, GlobalGAP với quy mô, sản lượng hàng hóa lớn đảm bảo ATVSTP cho nhu cầu nội tiêu, tăng sản lượng xuất khẩu và phục vụ công nghiệp chế biến.

- *Cây dâu tằm:* Mở rộng, phát triển diện tích cây dâu; tập trung chuyển đổi 90% giống mới, năng suất 30 - 40 tấn/ha; tích cực áp dụng các chính sách đầu tư hỗ trợ nhằm khôi phục và phát triển ngành trồng dâu nuôi tằm, tăng cường đầu tư chuyển giao KHKT, áp dụng đưa công nghệ nuôi tằm mới vào sản xuất. Mở rộng liên kết sản xuất trồng dâu nuôi tằm và ương tơ dệt lụa; hợp tác nhằm chủ động về trứng giống tằm, tạo ổn định trong sản xuất nguyên liệu kén tằm chất lượng cao cung ứng cho công nghiệp chế biến.

- *Cây ăn quả:* Phát triển các loại cây ăn quả có lợi thế cạnh tranh, phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương bằng các loại giống mới, giống có nguồn gốc được phép sản xuất, có năng suất chất lượng cao như: bơ, măng cụt, sầu riêng...

trồng thuần hoặc trồng xen trên diện tích cây cà phê, chè; vườn tạp, vùng sản xuất cây trồng kém hiệu quả.

- *Cây rau, hoa*: Phát triển rau, hoa trên những diện tích phù hợp, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, đưa công nghệ mới vào sản xuất, phát triển công nghệ sau thu hoạch đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, hình thành các chuỗi trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm rau hoa. Đồng thời canh tác không dùng đất, ứng dụng canh tác trên giá thể tại những khu vực có điều kiện thổ nhưỡng không thuận lợi để tận dụng lợi thế về sinh thái trong khu vực.

- *Một số cây trồng khác*: Tiếp tục duy trì và phát triển một số cây dược liệu đặc hữu ở địa phương và cây đặc sản có giá trị cao, có lợi thế cạnh tranh. Kết hợp phát triển cây dược liệu dưới tán rừng trên cơ sở phát triển những giống cây dược liệu đặc hữu.

2.2. Chăn nuôi:

Chăn nuôi phát triển theo hình thức khép kín, ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, áp dụng triệt để các giải pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi có khả năng gây ô nhiễm để phát hiện, xử lý và ngăn chặn kịp thời việc gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là đối với các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu dân cư, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm; kiên quyết di dời các trang trại, hộ gia đình chăn nuôi ra khỏi khu dân cư.

2.3. Phát triển trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

Khai thác hiệu quả, bền vững mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản truyền thống, cá nước lạnh, cá cao sản; kết hợp công năng thủy lợi với nuôi trồng các loại thủy sản phù hợp... nâng cao hiệu quả tăng thu nhập cho người dân. Bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi các loại thủy sản có giá trị kinh tế, duy trì đa dạng sinh học tại các hồ, đập thủy lợi, hệ thống sông, suối trên địa bàn.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong nông nghiệp theo hướng bền vững về môi trường, từng bước nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp

3.1. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp

Chuyển đổi số một cách toàn diện, đồng bộ từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất. Thực hiện hiệu quả các chính sách, nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng thông tin; đẩy mạnh tạo lập dữ liệu, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; ứng dụng vào quản lý, giám sát tài nguyên rừng; quản lý hồ đập, phòng, chống và cảnh báo thiên tai.

3.2. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên các sản phẩm chủ lực của thành phố Bảo Lộc (chè, cà phê, dâu tằm, cây ăn quả...) ứng dụng đồng bộ các

khâu trong sản xuất từ canh tác thu hoạch bảo quản sau thu hoạch đến sơ, chế biến. Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi; ứng dụng blockchain, bigdata,... quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tăng cường kinh doanh qua mạng, phát triển thương mại điện tử đối với sản phẩm nông nghiệp; triển khai hiệu quả trên trang thương mại điện tử nông sản của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động theo dõi sinh trưởng và quản lý dịch hại, tưới nước tiết kiệm, hệ thống bón phân tự động, kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc điện tử, bảo quản nông sản...

Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch canh nông, làng nghề, hình thành không gian nông nghiệp sạch trong đô thị xanh. Tổ chức sản xuất hàng hóa lớn theo tiêu chuẩn, ứng dụng công nghệ sinh học để chọn tạo giống mới, liên kết sản xuất giữa các vùng nông nghiệp công nghệ cao tạo sản phẩm đồng bộ đáp ứng nhu cầu của thị trường trong thời kỳ hội nhập.

Ứng dụng thành tựu công nghệ mới trong chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác (nhất là canh tác bền vững bảo vệ hiệu quả hệ sinh thái, thân thiện môi trường), ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến nông lâm sản; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật quản lý tổng hợp dịch hại cây trồng (IPM) và công nghệ vi sinh trong phòng trừ dịch bệnh và xử lý chất thải sản xuất nông nghiệp.

Phối kết hợp với các trung tâm nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao, sản xuất cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cơ sở giống cây trồng ứng dụng công nghệ Invitro để tạo ra cây giống sạch bệnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhập nội giống vật nuôi, cây trồng có năng suất, giá trị kinh tế cao.

3.3. Cơ giới hóa, tự động hóa

Ứng dụng đa dạng hoá các loại hình công nghệ, máy móc thiết bị cơ giới vào sản xuất, đặc biệt là khâu thu hoạch nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ tổn thất trong quá trình sản xuất. Chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch, tại các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đều được liên kết với các trung tâm sau thu hoạch để thực hiện chức năng phân loại, đóng gói, vận hành quản lý sản phẩm theo công nghệ tự động, công nghệ số.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

4. Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện hiện đại, bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh, chú trọng sản xuất nông nghiệp sinh thái bền vững

gắn với du lịch canh nông, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng phường xã; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến nông sản, thực phẩm.

Xây dựng, thực hiện nhân rộng các mô hình canh tác theo hướng canh quan bền vững, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc BVTV theo hướng hữu cơ, thiên nhiên, áp dụng IPM trong canh tác; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm,...nhằm khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên; giảm thiểu ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp đến môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nâng cao năng lực trong công tác dự tính, dự báo và phòng chống dịch bệnh; chủ động, theo dõi diễn biến dịch bệnh, tăng cường công tác kiểm dịch nhằm phát hiện và xử lý kịp thời không để dịch bệnh phát triển trên diện rộng nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại do dịch bệnh bùng phát.

Chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, tăng cường công tác dự báo, cảnh báo thiên tai; trang thiết bị phục vụ phòng chống và nâng cao kỹ năng ứng phó thiên tai đối với người dân. Điều tiết cơ cấu cây trồng, vật nuôi đặc biệt là các loại cây trồng ở vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, ngập lụt; điều chỉnh vụ mùa phù hợp với sự biến đổi của khí hậu, thời tiết.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây xanh theo kế hoạch trồng 3,8 triệu cây xanh trong đô thị, khu dân cư, các khu sản xuất nông nghiệp đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra; đầu tư xây dựng, nạo vét, sửa chữa các công trình thủy lợi, hồ, đập, sông, suối trên địa bàn thành phố để phục vụ tưới tiêu, phòng, chống thiên tai, cải thiện môi trường, cảnh quan.

5. Xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp thông minh trên cơ sở phát triển liên kết chuỗi giá trị bền vững hiệu quả

Tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, trong đó xác định hợp tác xã và doanh nghiệp là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí *“Doanh nghiệp là nòng cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể sản xuất hàng hóa”*. Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế tập thể để hình thành lực lượng nòng cốt trong phát triển liên kết chuỗi. Khuyến khích khởi nghiệp từ các hộ nông dân, chủ trang trại để thành lập doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với các hộ dân khác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Phát triển các vệ tinh cung cấp nguyên liệu, hình thành vùng sản xuất nguyên liệu đủ lớn, đảm bảo chất lượng. Phát triển đồng bộ hệ thống bán buôn, bán lẻ, hệ thống logistics kết nối giữa nhà sản xuất với nhà phân phối. Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiếp tục triển khai phát triển, quảng bá các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản của địa phương gắn với truyền thông, thương mại điện tử, đến các nước trong khu vực và một số thị trường quan trọng như Nhật Bản, EU. Triển khai hiệu quả hoạt động xúc tiến thị trường nông sản gắn với phát triển sản phẩm OCOP của thành phố.

Xây dựng trung tâm trưng bày sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của thành phố Bảo Lộc.

6. Đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại

Củng cố, nâng cấp, phát triển hạ tầng sản xuất theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; trong đó, ưu tiên hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt theo mục tiêu đề ra.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện để xây dựng, phát triển hạ tầng sản xuất, thực hiện đầu tư trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào khai thác các công trình thủy lợi trọng điểm của thành phố và các công trình khác. Tiếp tục phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ theo hướng tập trung, nghiên cứu các nhiệm vụ mang tính ứng dụng cao, bám sát nhu cầu thực tiễn của sản xuất, lấy mục tiêu ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu của dự án, đề tài khoa học; nghiên cứu đi cùng với chuyển giao, ưu tiên nghiên cứu công nghệ, chọn tạo giống mới phù hợp với điều kiện thời tiết địa phương.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành, lĩnh vực; chỉ đạo sản xuất theo đúng chủ trương, định hướng; quản lý có hiệu quả nguồn nước, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp. Bảo vệ chặt chẽ tài nguyên rừng gắn với mục tiêu lâu dài trong bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; có chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia trong nông nghiệp. Trang bị kiến thức về công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế hoá các quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

7. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài

Mở rộng thị trường trong và ngoài nước thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng như VietGAP, GlobalGAP, Organic, Rainforest Alliance (RA), UTZ, 4C... Đẩy mạnh công tác dự báo thông tin thị trường, hỗ trợ người dân có kế hoạch sản xuất phù hợp nhu cầu thị trường.

Tăng cường tổ chức và tham gia các hội nghị thương mại, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước để đẩy mạnh công tác xúc tiến thương

mại thu hút được thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm chủ lực của thành phố như chè, cà phê, tơ lụa Bảo Lộc.

Thực hiện đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, mua bán sản phẩm nông nghiệp (chè, cà phê) qua sàn giao dịch điện tử, giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện nắm được chất lượng hàng hóa của mình và có hướng khắc phục trước sản phẩm được xuất khẩu hoặc đến tay người tiêu dùng.

Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển vùng nguyên liệu và chế biến chè, cà phê, tơ tằm tại thành phố. Tăng cường liên doanh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước đối với các đối tác nước ngoài nhằm tăng cường tiềm lực xuất khẩu.

Cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu. Xây dựng các biện pháp bảo vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu và cạnh tranh phù hợp khi gia nhập các hiệp định thương mại.

Đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa trong đầu tư với phương thức nhân dân làm công trình – nhà nước hỗ trợ vật tư để huy động tổng lực nguồn vốn cùng chung tay cùng trách nhiệm xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững. Kết hợp lồng ghép với nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, vốn ODA,...để cùng thực hiện đầu tư, xây dựng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động này; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động của Thành ủy; định kỳ báo cáo Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Ban Tuyên giáo Thành ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động này.

3. Các ban Đảng, UBKT, Văn phòng Thành ủy, UBND thành phố, Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thành phố và các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thành ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND, UBND thành phố,
- Các đồng chí UVBTV, UVBCH,
- Ủy ban MTTQ& các DT thành phố,
- Các ban, UBKT và VP Thành ủy,
- Các tổ chức cơ sở Đảng,
- Lưu VP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Nghiêm Xuân Đức

